TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31//01/2024
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Minh Quang
Ông Vi Văn Dương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quang Lương Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ch Th D, sinh năm 1986 (Có đơn xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Bản Đ, xã B Ch, huyện C C, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh L M Ph, sinh năm 1984 (Có đơn xét xử vắng mặt).
HKTT: Bản B, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 3, Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Ch Th D trình bày:

- Về tình cảm: Chị Ch Th D và anh L M Ph tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2014. Chị D và anh Ph đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 20 tháng 3 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh vào năm 2016, nguyên nhân phát sinh mâu

thuẫn là do anh Ph nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bản thân chị D và gia đình khuyên can rất nhiều lần nhưng anh Ph không chịu sửa chữa, ngày càng nghiện nặng hơn. Đến năm 2017 vợ chồng quyết định sống ly thân với nhau. Anh Ph hiện nay đang chấp hành án 15 năm tù tại trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị D có nguyện vọng ly hôn với anh Ph để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị D và anh Ph có 01 người con chung là cháu L Th L Ch, sinh ngày 13/3/2015 hiện cháu đang sống với chị D tại bản Đ xã B Ch, huyện C C, tỉnh Nghệ An. Từ khi ly thân cháu Chi do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, bản thân anh anh Ph hiện đang chấp hành án nên không đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy nếu ly hôn đặt ra chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chi và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 12 năm 2023 anh L M Ph trình bày:

Tình cảm: Anh Ph và chị Ch Th D tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2014. Anh Ph và chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 20 tháng 3 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh Ph và chị D sống với nhau rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2016. Nguyên nhân phát sinh mâu thẫn là do anh Ph nghiện ma túy, nên vợ chồng thường xuyên cãi va nhau, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017. Nay chị D có nguyện vọng ly hôn thì anh Ph đồng ý.

Về con chung: Anh Ph và chị D có 01 con chung tên cháu L Th L Ch, sinh ngày 13/3/2015 hiện cháu đang sống với chị D tại bản Đ xã B Ch, huyện C C, tỉnh Nghệ An. Hiện nay anh Ph đang chấp hành án nên không đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy nếu ly hôn đặt ra anh Ph đồng ý cho chị D trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu L Th L Ch. Về cấp dưỡng: anh Ph và chị D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kết quả xác minh tại địa phương thì anh L M Ph có hộ khẩu thường trú tại bản B, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An có vợ là chị Ch Th D và có 01 con chung là cháu L Th L Ch, sinh ngày 13/3/2015, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Cháu Chi hiện nay sống với chị D. Anh Ph hiện đang chấp hành án tại trại giam Số 6, xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Lời khai cháu L Th L Ch: Cháu Chi có nguyện vọng sống với chị Ch Th D.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Ph, chị D có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Kết thúc phiên họp Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả cho anh Ph nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi từ anh Ph nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Ch Th D cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Ch Th D được ly hôn với anh L M Ph; Con Chung: giao cháu L Th L Ch, sinh ngày 13/3/2015 cho chị Ch Th D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ph; Tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị D chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L M Ph có hộ khẩu thường trú tại bản B, xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Ch Th D và bị đơn anh L M Ph thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Ph kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã Ng M, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 16, quyển số 01 ngày 20/3/2014 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị D và anh Ph có nhiều mâu thuẫn, anh Ph nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị D và anh Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị D và anh Ph có 01 con chung là cháu L Th L Ch, sinh ngày 13/3/2015, khi ly hôn chị Ch Th D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L Th L Ch cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Ph đồng ý giao cháu L Th L Ch cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu L Th L Ch có nguyện vọng sống với chị D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao L Th L Ch, sinh ngày 13/3/2015 cho chị Ch Th D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L Th L Ch đủ 18 tuổi, trưởng thành, chị D không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Ph được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh Ph thực hiện quyền này .

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Ch Th D và anh L M Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ch Th D được ly hôn với anh L M Ph.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là L Th L Ch, sinh ngày 13/3/2015 cho chị Ch Th D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ph;

- Anh Ph có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một bên hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị Ch Th D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007272 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã Ng M;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ái